

Số:19/2021/QĐST-DS

Gia Lâm, ngày 05 tháng 02 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 28 tháng 01 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 164/2020/TLST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V.

Trụ sở: Đường L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A- Phó giám đốc Trung tâm pháp luật Ngân hàng, SME và cá nhân, V Hội sở, theo văn bản ủy quyền số

03/2020/UQ-HĐQT ngày 02/3/2020 của Ông Ngô Chí D- Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP V.

- Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Văn Đ, ông Trần Văn T và ông Vũ Quốc T1 là cán bộ xử lý nợ Ngân hàng TMCP V, theo văn bản ủy quyền số 1542/2020/UQ-V ngày 07/5/2020 của Phó giám đốc Trung tâm pháp luật Ngân hàng, SME và cá nhân, V Hội sở.

*** Bị đơn:** Ông Lê Xuân T2, sinh năm 1979

và bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1979

Trú tại: Thôn T, xã Đ, huyện G, Hà Nội.

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Đại diện Ngân hàng TMCP V và ông Lê Xuân T2, bà Nguyễn Thị T3 thống nhất và xác nhận:

1.1. Theo Hợp đồng cho vay số LN1710250291037 ngày 07/11/2017; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử CFT/VN10324/201712/922 ngày 22/12/2017; Hợp đồng thế tín dụng số 167-P-687290 ngày 11/11/2017; Khế ước nhận nợ số LN1710250291037 ngày 09/11/2017 và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 3783/2017 ngày 07/11/2017 ký tại Văn Phòng công chứng K, thành phố Hà Nội được ký kết giữa Ngân hàng TMCP V với ông Lê Xuân T2 và bà Nguyễn Thị T3 là hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo yêu cầu về chủ thể tham gia giao kết, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật và có giá trị áp dụng đối với các bên tham gia giao kết.

1.2. Theo Hợp đồng cho vay số LN1710250291037 ngày 07/11/2017, ông Lê Xuân T2 và bà Nguyễn Thị T3 vay của Ngân hàng TMCP V với số tiền 735.000.000 đồng (Bảy trăm ba mươi lăm triệu đồng), mục đích vay: Vay tiêu dùng mua sắm vật dụng gia đình. Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử CFT/VN10324/201712/922 ngày 22/12/2017, ông Lê Xuân T2 và bà Nguyễn Thị T3 vay của Ngân hàng TMCP V (V) với số tiền là 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng) với mục đích sử dụng tiền vay: Vay tiêu dùng.

Thời hạn vay vốn và lãi suất được quy định trong hợp đồng cho vay và Khế

ước nhận nợ. Các kỳ trả nợ, lãi suất cho vay được quy định cụ thể trong Hợp đồng cho vay và các văn bản khác đã ký kết.

Để bảo đảm cho khoản vay của hợp đồng cho vay nêu trên, ông T2, bà T3 đã dùng tài sản sau để thế chấp: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BM 908177, số vào sổ cấp GCN: CH 06369/3128/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân huyện G, thành phố Hà Nội cấp ngày 28/11/2012 mang tên ông Lê Xuân T2 theo hợp đồng thế chấp QSD đất và TS gắn liền với đất số 3783/2017 ngày 07/11/2017 tại Văn phòng công chứng K và đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội- Chi nhánh huyện G ngày 07/11/2017.

Tính đến ngày 28/01/2021, ông Lê Xuân T2 và bà Nguyễn Thị T3 còn nợ Ngân hàng TMCP V tổng số tiền là: 1.134.994.392 đồng(Một tỷ một trăm ba mươi bốn triệu chín trăm chín mươi bốn nghìn ba trăm chín mươi hai đồng). Trong đó: Nợ gốc: 764.437.317 đồng; Nợ lãi trong hạn: 21.636.165đồng; Nợ lãi quá hạn: 348.920.910đồng.

Và từ ngày 29/01/2021 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ, ông Lê Xuân T2 và bà Nguyễn Thị T3 phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

1.3. Ngân hàng TMCP V và ông Lê Xuân T2, bà Nguyễn Thị T3 thỏa thuận về thời hạn, phương thức trả nợ như sau:

- Chậm nhất đến ngày 25/02/2021, ông Lê Xuân T2 và bà Nguyễn Thị T3 thanh toán cho Ngân hàng TMCP V số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng(Hai trăm triệu đồng).

- Chậm nhất đến ngày 25/3/2021, ông Lê Xuân T2 và bà Nguyễn Thị T3 thanh toán cho Ngân hàng TMCP V số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng(Hai trăm triệu đồng).

- Chậm nhất đến ngày 26/4/2021, ông Lê Xuân T2 và bà Nguyễn Thị T3 thanh toán cho Ngân hàng TMCP V toàn bộ số tiền nợ gốc còn lại và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay đã ký kết.

1.4. Trường hợp ông Lê Xuân T2 và bà Nguyễn Thị T3 vi phạm bất cứ lộ trình trả nợ nào thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn

liền với đất đối với thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BM 908177, số vào sổ cấp GCN: CH 06369/3128/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân huyện G, thành phố Hà Nội cấp ngày 28/11/2012 mang tên ông Lê Xuân T2.

1.5. Trong trường hợp, sau khi phát mại tài sản đảm bảo mà không đủ để trả nợ cho Ngân hàng TMCP V thì ông Lê Xuân T2 và bà Nguyễn Thị T3 có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng TMCP V cho đến khi thanh toán xong tất cả các khoản nợ.

2. Về án phí: Ông Lê Xuân T2 và bà Nguyễn Thị T3 tự nguyện chịu cả số tiền 23.025.000 đồng (Hai mươi ba triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 22.657.000 đồng (Hai mươi hai triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2010/0005718 ngày 18/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, TP Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đã ký

Cò Khắc Đàm